



Tạp chí Khoa học và Kinh tế Phát triển  
Trường Đại học Nam Cần Thơ

Website: [jsde.nctu.edu.vn](http://jsde.nctu.edu.vn)



**Nhận thức của sinh viên năm thứ nhất chuyên ngành tiếng Anh đối với tính tự chủ của người học trong việc học nói: Nghiên cứu tại Trường Đại học Nam Cần Thơ**

Lưu Hoài Nhân<sup>1</sup>, Trần Thị Thùy<sup>1\*</sup>, Trần Thị Trúc Hiền, Nguyễn Nhật Linh<sup>1</sup>, Bùi Nguyễn Thảo Phương<sup>1</sup>,  
Lư Thị Cẩm Tú

<sup>1</sup>Trường Đại học Nam Cần Thơ

\*Người chịu trách nhiệm bài viết: Trần Thị Thùy (email: [thuybate@gmail.com](mailto:thuybate@gmail.com))

Ngày nhận bài: 20/8/2023

Ngày phản biện: 15/9/2023

Ngày duyệt đăng: 5/11/2023

**Title:** First-year English majors awareness of learner autonomy in learning to speak: Research at Nam Can Tho University

**Keywords:** autonomy, english major students, first-year, learner, speaking skills

**Từ khóa:** chuyên anh, kỹ năng nói, nhận thức, năm thứ nhất, sinh viên, tự chủ

**ABSTRACT**

*The concept of “learner autonomy” has received significant attention and has been shown to be a crucial factor in the success of English learning. Speaking, often considered one of the most challenging skills in English, presents a major obstacle for the majority of EFL learners in Vietnam. Therefore, the aim of this study was to explore EFL learners' perceptions of learner autonomy in speaking classes. Data was collected from 100 first-year English majors at Nam Can Tho University in the Mekong Delta, Vietnam through the use of questionnaires and semi-structured interviews. The results indicated the importance of learner autonomy, as well as other related aspects such as responsibility, ability, and internal and external behaviors.*

**TÓM TẮT**

*Khái niệm “tính tự chủ của người học” đã nhận được rất nhiều sự quan tâm của công chúng và được chứng minh là một yếu tố hữu ích góp phần vào sự thành công của việc học tiếng Anh. Nói, được cho là một trong những kỹ năng khó nhất trong tiếng Anh, dường như là một thách thức lớn đối với đại đa số người học EFL tại Việt Nam. Vì vậy, mục đích của nghiên cứu này là điều tra nhận thức của người học EFL về quyền tự chủ của người học trong các lớp học nói. Dữ liệu được thu thập với sự tham gia của 100 sinh viên năm nhất chuyên ngành tiếng Anh tại Đại học Nam Cần Thơ ở Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam bằng cách sử dụng bảng câu hỏi và phỏng vấn bán cấu trúc. Kết quả chỉ ra rằng phần lớn những người tham gia đều nhận thức*

*được tầm quan trọng của tính tự chủ của người học cũng như các khía cạnh khác liên quan đến nó trong việc nói như trách nhiệm, khả năng, hành vi bên trong và bên ngoài.*

## 1. GIỚI THIỆU

### 1.1 Cơ sở lý luận

Việc nói đã được chứng minh là kỹ năng thiết thực nhất vì nó là việc sử dụng khả năng nói cho phép mọi người giao tiếp hiệu quả. Tuy nhiên, nói như một kỹ năng là một thách thức đáng kể đối với người học. Tất nhiên, việc chỉ học với giáo viên không thể giúp người học tiếp thu được kỹ năng này một cách đầy đủ và phù hợp mà họ cần phải tự mình tích cực rèn luyện vì ngôn ngữ nói được coi là đòi hỏi khắt khe. Hành động chịu trách nhiệm về việc học của chính mình được gọi là tính tự chủ của người học và đây là một kỹ năng quan trọng mà mọi người học cần sở hữu để học tập hiệu quả hơn. Cùng với sự hỗ trợ của giáo viên, người học có khả năng chinh phục được kỹ năng được gọi là khó nhất này. Vì nói là điều bắt buộc trong môi trường học tiếng Anh nhưng không phải ai cũng quan tâm nhiều đến kỹ năng này. Với những lý do nêu trên, nghiên cứu này sẽ cố gắng tìm hiểu nhận thức của sinh viên chuyên Anh về khả năng tự chủ trong nói của người học để tìm hiểu xem họ nhận thức về bản thân như thế nào trong việc học tập tự chủ.

#### 1.1.1 Tính tự chủ của người học

Thuật ngữ “tính tự chủ của người học” đã xuất hiện trong nhiều nghiên cứu khác nhau với nhiều định nghĩa khác nhau. Nó được định nghĩa lần đầu tiên bởi Holec (1981) [8], đó là “khả năng chịu trách nhiệm về việc học của chính mình”, và nó “không phải bẩm sinh mà có được trong môi trường tự nhiên hoặc trong môi trường hình thức” Theo Gathercole (1990) [6], tính tự chủ của người học là “sự sẵn sàng và

năng lực của người học trong việc kiểm soát hoặc giám sát việc học của chính mình”. Có bằng chứng thực nghiệm cho thấy quyền tự chủ của người học mang lại điều kỳ diệu cho người học và được đề xuất bổ sung vào việc học và dạy. Tính tự chủ của người học nâng cao tiêu chuẩn giảng dạy ngôn ngữ, khuyến khích xã hội dân chủ, trang bị cho con người khả năng học tập suốt đời, coi đó là quyền con người và cho phép học sinh tận dụng tối đa các cơ hội học tập trên lớp và ngoại khóa (Camilleri Grima, 2007; Cotterall, 1995; Palfreyman, 2003) [3],[5],[12]. Little (1991) [10] tin rằng việc trở thành người học tự chủ ngay từ đầu có nghĩa là làm cho việc học hiệu quả và hiệu quả hơn vì việc trở nên cá nhân và tập trung hơn là kết quả của việc học. Người học tự chủ tiếp cận nhiệm vụ học tập một cách tích cực và nhận thức được sở thích cũng như phương pháp học tập của mình.

#### 1.1.2 Kỹ năng nói

Kỹ năng nói được mọi người trên khắp thế giới đánh giá cao vì chức năng thực tế của nó. Nói được định nghĩa là "hành động truyền đạt thông tin hoặc bày tỏ suy nghĩ và cảm xúc của một người bằng ngôn ngữ nói" theo từ điển tiếng Anh hiện đại Oxford (2009) [11]. Ngoài ra, theo Brown và cộng sự (2004) [2], quá trình tương tác tạo ra ý nghĩa đòi hỏi phải tạo ra, tiếp nhận và xử lý thông tin được gọi là nói. Nói được định nghĩa là cách mọi người tạo ra và trao đổi ý nghĩa của từ bằng các ký hiệu bằng lời, phi ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong nhiều bối cảnh khác nhau (Chaney, 1998) [4]. Việc sử dụng kỹ năng nói vượt trội hơn nhiều so với các kỹ năng cơ bản khác.

### 1.1.3 Các khía cạnh của tính tự chủ

Các khía cạnh của tính tự chủ của người học đã được đưa ra khác nhau từ các quan điểm khác biệt. Theo Holec (1981) [9], ý tưởng này được xác định bởi một số đặc điểm, quyền tự chủ của người học đề cập đến sự nhấn mạnh vào bản thân người học, trong đó năng lực của người học được xây dựng thông qua một quá trình học tập có hệ thống và có chủ đích, liên quan đến tâm lý (như thái độ hoặc nhận thức) và hành động của họ. Trong nghiên cứu này, các khía cạnh về tính tự chủ của người học dựa trên nghiên cứu của Hòa và cộng sự vào năm 2019 [7] bao gồm bốn khía cạnh chính về quyền tự chủ của người học, bao gồm tầm quan trọng của quyền tự chủ của người học, trách nhiệm tự chủ, khả năng tự chủ và hành vi bên trong và bên ngoài. Vì những ưu điểm của nó, quyền tự chủ của người học có thể được coi là một công cụ giúp người học và giáo viên nuôi dưỡng những người này trong lớp học của họ (Alonazi, 2017) [1].

### 1.2 Các nghiên cứu trước đây

Nghiên cứu đầu tiên được phân tích được thực hiện bởi Qiwei Wei et al. vào năm 2018 [16]. Mục đích của nghiên cứu này là kiểm tra xem sinh viên đại học Trung Quốc đang học tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai (ESL) nhìn nhận tính tự chủ của người học trong việc học ngôn ngữ như thế nào và liệu người học ở các cấp độ thành thạo khác nhau có tiếp cận quyền tự chủ của người học theo những cách khác nhau hay không. Đối tượng tham gia nghiên cứu là 100 sinh viên đại học chuyên ngành tiếng Anh. Một cuộc khảo sát, một bài kiểm tra trước, một bài kiểm tra sau và nhật ký của học sinh được dùng làm công cụ đo lường chính. Theo kết quả khảo sát, quyền tự chủ của người học của học sinh đã được nâng cao một phần nhờ sự can thiệp và có sự khác biệt đáng chú ý

giữa những học sinh thành công và kém thành công về nhận thức của họ về tính tự chủ của người học.

Nghiên cứu thứ hai được nhấn mạnh trong phần này được thực hiện bởi Trương Minh Hòa và cộng sự vào năm 2019 [7]. Mục tiêu của nghiên cứu này là kiểm tra phạm vi tự học ngôn ngữ của sinh viên năm thứ hai chuyên ngành tiếng Anh tại Đại học Hùng Vương, Việt Nam. Một mẫu gồm 80 sinh viên năm thứ hai chuyên ngành tiếng Anh tại Đại học Hùng Vương, Việt Nam đã được chọn. Một bảng câu hỏi và một cuộc phỏng vấn bán cấu trúc đã được sử dụng để khơi gợi sự tự nhận thức của họ về việc tự học ngôn ngữ. Theo kết quả nghiên cứu, phần lớn người tham gia hiểu được giá trị của quyền tự chủ của người học, xác định trách nhiệm học tập tự chủ mới đạt được của họ, thừa nhận quyền tự chủ hiện có của họ và tiết lộ một số hành vi liên quan đến quyền tự chủ của người học, cả trong và ngoài lớp học.

Một nghiên cứu khác của Patcharee Scheb-Buennner vào năm 2019 [14] là xem xét thái độ của cả học sinh và giáo viên đối với việc học tập độc lập. Một bảng câu hỏi gồm bốn khía cạnh và một câu hỏi mở được phát có mục đích cho 57 sinh viên đại học tại một trường đại học tư thục và có một cuộc phỏng vấn giáo viên. Kết quả chỉ ra rằng sự hiểu biết của sinh viên về các khái niệm tự chủ chắc chắn là còn thiếu. Theo những người được hỏi, cả giáo viên và học sinh đều phải tham gia quản lý việc học và đánh giá. Đa số những người được hỏi tin rằng họ là những người học độc lập, nhưng những lời biện minh của họ cho thấy phạm vi hạn chế của các phong cách học tập độc lập. Học sinh có thể không hiểu khái niệm học tập tự chủ và giáo viên cũng có thể có những quan niệm sai lầm về nó.

Nghiên cứu do Dương Minh Tuấn thực hiện vào năm 2021 [15] được thực hiện nhằm tìm hiểu nhận thức và thực tiễn về học tập tự chủ của sinh viên EFL Việt Nam. Một thiết kế nghiên cứu theo các phương pháp hỗn hợp đã được sử dụng để thực hiện nghiên cứu mô tả này. Cả dữ liệu định lượng và định tính đều được thu thập cho nghiên cứu bằng cách sử dụng bảng câu hỏi và phỏng vấn bán cấu trúc. 50 sinh viên năm thứ hai của một trường đại học tư thục ở Đồng bằng sông Cửu Long, chuyên ngành tiếng Anh, đã được cử đến điều tra. Người ta phát hiện ra rằng các sinh viên đã đồng ý về giá trị của quyền tự chủ của người học trong việc tiếp thu ngôn ngữ. Tuy nhiên, mức độ nhận thức của họ về thực hành học tập tự chủ chỉ ở mức trên mức trung bình.

Tóm lại, các nghiên cứu nêu trên đã cung cấp cho người đọc cái nhìn rõ ràng hơn về quyền tự chủ của người học, nó ảnh hưởng đến người học ở một mức độ nhất định như thế nào và nhận thức của người học EFL về quyền tự chủ của người học là gì.

## 2. PHƯƠNG TIỆN VÀ PHƯƠNG PHÁP

### 2.1 Câu hỏi và phương tiện nghiên cứu

Bảng câu hỏi được sử dụng trong nghiên cứu này là phiên bản phỏng theo bảng câu hỏi của Hòa và cộng sự, 2019 [7]. Căn cứ vào các khía cạnh cụ thể được nghiên cứu (phần nói), các câu hỏi đã được thay đổi một chút để phù hợp nhất. Thang đo Likert 5 điểm được sử dụng cho tất cả các cụm (nghĩa là 1 = 'rất không đồng ý', 2 = 'không đồng ý', 3 = 'trung lập', 4 = 'đồng ý' và 5 = 'rất đồng ý'). Hơn nữa, 2 phần đã được đưa vào bảng câu hỏi. Phần đầu tiên được thiết kế để thu thập thông tin cá nhân của người tham gia. Trong phần thứ hai, 30 mục được sử dụng để thu thập dữ liệu định lượng cho nghiên cứu.

Hệ số Cronbach's alpha được tính toán để xác định mức độ tin cậy của bảng câu hỏi. Hệ số tin cậy cao ( $\alpha = 0,862$ , Bảng 1). Câu hỏi nghiên cứu đặt ra là sinh viên năm nhất chuyên Anh nhận thức như thế nào về khả năng tự chủ trong học tập nói tiếng Anh?

**Bảng 1. Chỉ số tin cậy**

Cronbach's Alpha	Số câu hỏi
0,862	30

Phần phỏng vấn đã được người nghiên cứu điều chỉnh từ mẫu phỏng vấn của Hòa và cộng sự (2019) [7]. Có 10 người tham gia được chọn ngẫu nhiên và phỏng vấn. Các cuộc phỏng vấn kéo dài 10 phút cho mỗi người được thực hiện và một công cụ ghi âm được sử dụng trong suốt thời gian đó.

### 2.2 Phương pháp nghiên cứu và đối tượng tham gia

Cả hai phương pháp định lượng và định tính đều được sử dụng để phân tích nhận thức về khả năng tự chủ trong nói của người học EFL. Tổng cộng có 100 người tham gia chuyên ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Nam Cần Thơ được thu thập dữ liệu bằng phương pháp lấy mẫu thuận tiện.

### 2.3 Thu thập dữ liệu và phân tích dữ liệu

Vào ngày thu thập dữ liệu, mỗi đối tượng tham gia nhận một bảng câu hỏi tiếng Việt. Sau khi thu thập xong bảng câu hỏi đã được trả lời, cuộc phỏng vấn diễn ra bằng cách mời 10 sinh viên từ mẫu mục tiêu (10%). Số liệu được phân tích bằng phần mềm IBM SPSS phiên bản 20.0. Các mục câu hỏi đã được kiểm tra liên quan đến khoảng thời gian đánh giá của nghiên cứu của Benjawan Plangkham và Ketvatee Porkaew [13] được thực hiện vào năm 2012.

**Bảng 2. Bảng giá trị tham chiếu**

Mức độ	Giá trị tham chiếu
Rất cao	4,21 – 5,00
Cao	3,41 – 4,20
Tương đối cao	2,61 – 3,40
Thấp	1,81 – 2,60
Rất thấp	1,00 – 1,80

Nguồn: Benjawan Plangkham and Ketvatee Porkaew (2012)

### 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

#### 3.1 Nhận thức tổng thể của người tham gia về tất cả các khía cạnh

**Bảng 3. Nhận thức tổng thể của người tham gia về tất cả các khía cạnh**

Biến	Tổng	Thấp nhất	Cao nhất	Điểm trung bình (M)	Độ lệch chuẩn (SD)
Nhận thức	100	2,37	5,00	4,02	0,55

Kết quả Bảng 3 cho thấy, nhận thức của người tham gia đối với tính tự chủ của người học nằm trong khoảng từ 3,41 đến 4,20 ( $M = 4,02$ ,  $SD = 0,55$ ). Do đó, điều này cho thấy rằng đại đa số những người tham gia có mức độ nhận thức cao, điều đó có nghĩa là những người này cảm thấy rằng sự tự chủ của người học là “quan trọng” đối với việc học của họ, đặc biệt là khi nói tiếng Anh.

#### 3.2 Nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của quyền tự chủ của người học

Ở Bảng 4, gần 90% người tham gia cho rằng tính tự chủ của người học rất quan trọng đối với kỹ năng nói của họ, đây là con số cao thứ hai (Mục II, 47% rất đồng ý, 42% đồng ý,  $M = 4,34$ ,  $SD = 7,42$ ). Theo điểm trung bình cao nhất, tỷ lệ người tham gia cảm thấy cần phát triển tính tự chủ của người học chính xác là 90% (48% hoàn toàn đồng ý, 42% đồng ý,  $M = 4,38$ ,  $SD = 0,663$ ).

Cùng với dữ liệu được phân tích, kết quả phỏng vấn cũng cho thấy những người tham gia

rất đồng ý với tầm quan trọng của tính tự chủ của người học. Tất cả những người được phỏng vấn đều trả lời “Có” hoặc “Tất nhiên” khi được hỏi “Bạn có nghĩ rằng tính tự chủ của người học là quan trọng đối với kỹ năng nói của bạn không” và giải thích lý do tại sao. Họ cũng nói rằng có thể đạt được nhiều kết quả nói hơn, đó là kết quả của câu hỏi “Bạn có nghĩ rằng sự tự chủ của người học là một nhu cầu để đạt được kết quả nói tốt? Tại sao không?”. Dưới đây là một số mẫu họ đã nêu:

Sinh viên 5: “Sự tự chủ của người học là cực kỳ quan trọng vì em có thể học thêm các đặc điểm phát âm, ngữ pháp và từ vựng nâng cao, đồng thời em có thể nói lưu loát, mạch lạc hơn mà không sợ mắc lỗi. Nó cũng khiến em trở thành một người học độc lập.”

Sinh viên 2: “Khi tôi thực hành nói một cách tự chủ, tôi có xu hướng ghi nhớ từ vựng tốt hơn, đồng thời có thêm sự tự tin, kinh nghiệm và kiến thức chuyên sâu về những gì tôi đang cố gắng học.”

**Bảng 4. Nhận thức về tầm quan trọng của tính tự chủ**

Mục	Sự quan trọng của tính tự chủ Tổng = 100 (100%)	Rất đồng ý (%)	Đồng ý (%)	Trung lập (%)	Không đồng ý (%)	Rất không đồng ý (%)	Điểm trung bình (M)	Độ lệch chuẩn (SD)
I1	Tính tự chủ của người học đóng một vai trò quan trọng trong việc nói.	47,0	42,0	10,0	0,0	1,0	4,34	0,74
I2	Tính tự chủ của người học giúp tôi đạt được kết quả nói tốt hơn.	43,0	44,0	10,0	3,0	0,0	4,27	0,86
I3	Tính tự chủ của người học giúp tôi học nói tiếng Anh một cách có chủ đích và có chiến lược.	41,0	45,0	13,0	0,0	1,0	4,25	0,96
I4	Tôi cảm thấy cần phải phát triển tính tự chủ của người học trong việc học nói tiếng Anh.	48,0	42,0	10,0	0,0	0,0	4,38	0,66

Tóm lại, với những dẫn chứng được cung cấp, rõ ràng những người tham gia phỏng vấn có ý thức rất cao về vai trò của quyền tự chủ trong phát biểu của người học, hầu hết họ đều coi đó là điều quan trọng. Thêm vào đó là điểm trung bình cao của các số liệu định lượng được đề cập ở trên.

**3.3 Nhận thức của học sinh về trách nhiệm tự chủ của họ**

Theo Bảng 5, có thể nhận xét rằng đa số sinh viên năm thứ nhất chuyên ngành tiếng Anh của Trường Đại học Nam Cần Thơ đều có tinh thần trách nhiệm cao trong việc tự giác học tập. Điểm

quan trọng nhất là con số đối với những người cho rằng họ phải xác định điểm mạnh và điểm yếu của mình (Mục R6, 45% hoàn toàn đồng ý, 47% đồng ý, M = 4,37, SD = 0,93), tiếp theo là Mục R5, đó là những cho rằng phải chịu khó nói (43% rất đồng ý, 50% đồng ý, M=4,34, SD=0,89). Có thể thấy một chút tương đồng trong hình đối với những người cảm thấy cần đánh giá việc học của chính mình (Mục R7, 35% hoàn toàn đồng ý, 49% đồng ý, M = 4,17, SD = 0,69).

Về kết quả phỏng vấn, đa số người tham gia ý thức được trách nhiệm của mình (9/10 người

được phỏng vấn) khi được hỏi “Bạn có nghĩ rằng việc đánh giá tiến độ nói của bản thân và lựa chọn tài liệu nói là trách nhiệm của bạn không? Tại sao không?”. Ví dụ:

Sinh viên 3: “Vâng, đây là những gì tôi đang làm và là trách nhiệm của tôi. Khi bạn có thể xác định được sự tiến bộ của bản thân, bạn cũng có thể chọn tài liệu phù hợp. Nếu trình độ của bạn là cơ bản, bạn không thể chọn một cuốn sách nâng cao, vì vậy điều quan trọng là phải tự mình biết trình độ của mình là gì”.

Sinh viên 1 và Sinh viên 8: “Nếu bạn muốn tiến bộ, các trách nhiệm bao gồm đánh giá sự tiến bộ của chính bạn và chọn tài liệu là không thể thương lượng”.

Tuy nhiên, có một học viên nói rằng cả giáo viên và cô ấy cần phải thực hiện các hoạt động như vậy để giúp cô ấy tiến bộ.

Sinh viên 9: “Từ quan điểm của tôi, tôi cảm thấy cần phải tự mình đánh giá tiến độ và chọn tài liệu học tập ở một mức độ nhất định, nhưng giáo viên cũng nên tham gia vào quá trình này để giúp tôi tìm tài liệu tốt”.

**Bảng 5. Trách nhiệm về tính tự chủ**

Mục	Trách nhiệm về tính tự chủ Tổng = 100 (100%)	Rất đồng ý (%)	Đồng ý (%)	Trung lập (%)	Không đồng ý (%)	Rất không đồng ý (%)	Điểm trung bình (M)	Độ lệch chuẩn (SD)
Khi học nói tiếng Anh ở trường đại học, tôi phải có trách nhiệm .....								
R1	Xác định các mục tiêu nói khi thực hành.	31,0	61,0	6,0	0,0	2,0	4,19	0,89
R2	Chọn tài liệu	28,0	51,0	20,0	1,0	0,0	4,06	0,77
R3	Chọn phương pháp và chiến lược.	34,0	53,0	11,0	1,0	1,0	4,18	0,94
R4	Chọn nhiệm vụ và hoạt động.	29,0	51,0	20,0	0,0	0,0	4,09	0,70
R5	Siêng năng	43,0	50,0	6,0	0,0	1,0	4,34	0,89
R6	Xác định điểm mạnh và điểm yếu.	45,0	47,0	8,0	0,0	0,0	4,37	0,93
R7	Tự đánh giá khả năng.	35,0	49,0	15,0	0,0	1,0	4,17	0,69

Tóm lại, có thể thấy rằng phần lớn những người tham gia nghĩ rằng họ có trách nhiệm học một cách tự chủ, từ việc lựa chọn tài liệu nói đến các hoạt động. Điều này cũng đúng khi nói đến kết quả trong các câu trả lời phỏng vấn, với việc những người tham gia tin rằng họ chịu trách

nhiệm lựa chọn tài liệu và đánh giá sự tiến bộ của họ.

**3.4 Nhận thức về khả năng tự chủ**

Ở Bảng 6, tỷ lệ sinh viên tin tưởng vào khả năng của họ trong việc xác định mục tiêu nói trong lớp học (Mục A1, 25% rất đồng ý, 41%

đồng ý,  $M = 3,87$ ,  $SD = 8,49$ ) gần bằng tỷ lệ của những người tham gia người đã làm như vậy bên ngoài bối cảnh lớp học của họ (Mục A2, 22% hoàn toàn đồng ý, 46% đồng ý,  $M = 3,86$ ,  $SD = 0,80$ ), chỉ khác biệt 0,01. Trong khi đó, đúng 3/4 số người tham gia cho rằng họ có thể lựa chọn phương pháp và chiến lược nói trong lớp học (Mục A5, 26% hoàn toàn đồng ý, 49%

đồng ý,  $M = 3,97$ ,  $SD = 0,92$ ). Điểm trung bình của những người có thể xác định điểm yếu và điểm mạnh là 4,16 (Mục A9, 35% rất đồng ý, 49% đồng ý,  $SD = 0,96$ ), so với 4,06 của những người cho rằng họ có thể đánh giá được tiến độ nói của mình (Mục A10, 32% rất đồng ý, 46% đồng ý,  $M = 4,06$ ,  $SD = 0,83$ ).

**Bảng 6. Khả năng tự chủ**

Mục	Khả năng tự chủ Tổng = 100 (100%)	Rất đồng ý (%)	Đồng ý (%)	Trung lập (%)	Không đồng ý (%)	Rất không đồng ý (%)	Điểm trung bình (M)	Độ lệch chuẩn (SD)
Sau khoảng một năm học ở trường đại học, tôi có thể.....								
A1	Xác định mục tiêu nói trong lớp học.	25,0	41,0	31,0	2,0	1,0	3,87	0,85
A2	Xác định mục tiêu nói ngoài lớp học.	22,0	46,0	29,0	2,0	1,0	3,86	0,80
A3	Chọn tài liệu nói trong lớp học.	20,0	41,0	32,0	5,0	2,0	3,72	0,91
A4	Chọn tài liệu nói ngoài lớp học.	20,0	40,0	33,0	6,0	1,0	3,72	0,69
A5	Chọn phương pháp và chiến lược nói trong lớp học.	26,0	49,0	23,0	0,0	2,0	3,97	0,92
A6	Chọn phương pháp và chiến lược nói ngoài lớp học.	24,0	43,0	26,0	5,0	2,0	3,82	0,73
A7	Chọn hoạt động và nhiệm vụ trong lớp học.	23,0	47,0	27,0	1,0	2,0	3,88	0,84
A8	Chọn hoạt động và nhiệm vụ ngoài lớp học.	19,0	45,0	32,0	2,0	2,0	3,77	0,75
A9	Xác định điểm mạnh và điểm yếu.	35,0	49,0	13,0	3,0	0,0	4,16	0,96
A10	Đánh giá khả năng	32,0	46,0	19,0	2,0	1,0	4,06	0,83



Về mặt định tính, kết quả từ các câu hỏi “Khả năng tự chủ của bạn khi nói trong và ngoài lớp học là gì?” và “Bạn thể hiện khả năng tự chủ tốt hơn trong lớp hay ngoài lớp? Tại sao?” cho thấy rằng tất cả những người tham gia đều nghĩ rằng họ có thể thực hiện một số khả năng trong lớp học của mình. 6 người được phỏng vấn (60%) nói rằng họ cảm thấy rằng họ có thể thực hiện khả năng tự chủ tốt hơn khi ở bên ngoài lớp học do các yếu tố bên ngoài, trong khi 3% người tham gia nói rằng họ hiếm khi làm như vậy khi không ở trong lớp. Ngoài ra, có một người nói rằng họ đã thể hiện rất tốt cả bên ngoài và bên trong lớp học của anh ấy. Dưới đây là một số ví dụ:

Sinh viên 9: “Khi tôi học ở nhà, sự tập trung của tôi có xu hướng tăng lên và tôi có thể học hiệu quả hơn”.

Sinh viên 7: “Tôi có xu hướng thực hiện các khả năng tự chủ của mình như lựa chọn phương pháp nói hoặc các hoạt động trong lớp học vì tôi có bạn bè và tôi có thể dễ dàng tham gia vào các hoạt động đó với những người khác”.

Thêm vào đó là Sinh viên 10 có xu hướng tự học trong lớp.

Sinh viên 10: “Tôi muốn lớp học của mình là môi trường để tôi có thể học tập hiệu quả vì có sự hiện diện của giáo viên. Họ có thể hỗ trợ tôi rất nhiều, và đây là lý do tại sao tôi có xu hướng học ở trường hơn là ở nhà”.

Tóm lại, những người tham gia đã bộc lộ một số hạn chế khi họ học nói một cách tự chủ, điều này có thể thấy ở những người có thể lựa chọn tài liệu trong và ngoài lớp học, và họ có thể học tốt hơn ở nhà thay vì đến trường. Kết quả định

tính cho thấy nhiều khả năng nhưng vẫn có một số tính năng hạn chế.

### 3.5 Nhận thức của học sinh về các hành vi bên trong của họ

Về định lượng, những người tham gia vào nghiên cứu này có nhận thức cao về các hành vi bên trong. Điều này có thể thấy ở tỷ lệ người luyện nói với bạn cùng lớp là khoảng 83% (Mục IB 1, 24% rất đồng ý, 59% đồng ý,  $M = 4,02$ ,  $SD = 0,78$ ). Tuy nhiên, tỷ lệ người nói rằng họ có nhờ giáo viên giúp đỡ thấp hơn một chút, là 74% (Mục IB2, 25% rất đồng ý, 49% đồng ý,  $M = 3,93$ ,  $SD = 0,84$ ).

Theo kết quả phỏng vấn, khi được hỏi “Bạn có những hành vi tự chủ nào trong lớp học sau gần 1 năm tham gia khóa học luyện nói ở trường đại học?”, đa số sinh viên cho biết sẽ chủ động luyện nói tiếng Anh với các bạn cùng lớp. hỏi sự giúp đỡ từ giáo viên hàng ngày (80%). S7 cho biết không nhờ thầy cô giúp đỡ vì muốn khám phá bản thân. Dưới đây là một số đoạn trích:

Sinh viên 7: “Nói tiếng Anh với các bạn cùng lớp là thói quen mà tôi thực hiện thường xuyên, nhưng việc nhờ giáo viên giúp đỡ không phải là điều tôi làm hàng ngày. Tôi cảm thấy như tôi muốn biết những gì tôi không biết để tôi có thể hiểu nó tốt hơn”.

Sinh viên 3: “Các bạn cùng lớp của em khá thụ động trong việc nói nên em thường không luyện nói với họ. Chúng em chỉ làm điều đó khi chúng em được giao nhiệm vụ liên quan đến nói. Còn về việc nhờ giúp đỡ, hề có gì không hiểu là em hỏi thầy cô ngay”.

**Bảng 7. Hành động bên trong lớp học**

Mục	Hành động bên trong Tổng = 100 (100%)	Rất đồng ý (%)	Đồng ý (%)	Trung lập (%)	Không đồng ý (%)	Rất không đồng ý (%)	Điểm trung bình (M)	Độ lệch chuẩn (SD)
Sau khoảng một năm học nói tiếng Anh ở trường đại học, tôi đã..... ở trong lớp học của mình								
IB1	Nói tiếng anh với bạn học	24,0	59,0	14,0	1,0	2,0	4,02	0,78
IB2	Hỏi giáo viên khi cần	25,0	49,0	21,0	4,0	1,0	3,93	0,84

Tóm lại, những người tham gia thường nhờ giáo viên giúp đỡ và luyện nói với bạn cùng lớp, nhưng những nhóm người này thường chỉ chọn một trong hai.

**3.6 Nhận thức của học sinh về hành vi bên ngoài**

Trong Bảng 8, phần lớn các câu trả lời cho thấy người tham gia thường tìm các tài liệu phát âm và luyện cách phát âm của họ (Mục OB7, 31% hoàn toàn đồng ý, 54% đồng ý, M = 4,11, SD = 0,69), tức là điểm trung bình cao nhất, tiếp theo là ý thức tìm kiếm từ vựng để học (Mục OB6, 28% rất đồng ý, 56% đồng ý, M = 4,07, SD = 0,78). Tuy nhiên, chỉ có 54% ý kiến đồng ý rằng họ nói tiếng Anh và làm những công việc mà giáo viên không yêu cầu, điểm trung bình của họ là 3,61 (Mục OB1, 17% rất đồng ý, 37% đồng ý, SD = 0,91). Số liệu sinh viên liệt kê điểm mạnh (Mục OB2, 19% rất đồng ý, 50% đồng ý, M = 3,80, SD = 0,87) và thực hành với người nước ngoài hoặc bạn bè (Mục OB4, 20% rất đồng ý, 40% đồng ý, M = 3,77, SD = 0,77) cao hơn, lần lượt là 3,80 và 3,77.

Về phần phỏng vấn, tất cả những người được phỏng vấn đều nói rằng họ sẽ tìm kiếm các nguồn từ vựng và cách phát âm, sửa lỗi ngữ

pháp khi nói và làm những công việc mà giáo viên không yêu cầu ngoài ngữ cảnh lớp học, khi họ được hỏi câu hỏi “Hành vi tự chủ của bạn bên ngoài lớp học sau gần một năm trải nghiệm các khóa học nói của bạn ở trường đại học là gì?”. Ngoài ra, khoảng 80% người tham gia khảo sát cho biết họ có thể nhận thức được điểm mạnh và cải thiện điểm yếu khi nói, ngoại trừ sinh viên 1 và 7. Tuy nhiên, chỉ khoảng 40% trong số này cho biết họ thường luyện tập. nói chuyện với người nước ngoài, và họ chủ yếu thực hành nói chuyện với bạn bè của họ. Hơn nữa, tất cả họ đều đồng ý rằng họ sẽ ngay lập tức thực hành nói với những từ mới, đặc điểm phát âm hoặc điểm ngữ pháp khi họ ở nhà hoặc ở đâu đó bên ngoài lớp học của họ. Dưới đây là một số ví dụ:

Sinh viên 1: “Khi ra khỏi lớp, tôi thường luyện nói bằng cách chơi trò chơi với người nước ngoài, và điều này có thể giúp tôi nâng cao khả năng ngôn ngữ của mình”.

Sinh viên 3: “Tôi thích nói chuyện với người nước ngoài khi ở nhà và tôi chủ yếu sử dụng Omegle, một trang web có thể giúp tôi kết nối với mọi người trên khắp thế giới”.

**Bảng 8. Hành động bên trong lớp học**

Mục	Hành động bên ngoài Tổng = 100 (100%)	Rất đồng ý (%)	Đồng ý (%)	Trung lập (%)	Không đồng ý (%)	Rất không đồng ý (%)	Điểm trung bình (M)	Độ lệch chuẩn (SD)
Sau khoảng một năm học nói tiếng Anh ở trường đại học, tôi đã..... ở bên ngoài lớp học								
OB1	Làm những thứ không được yêu cầu bởi giáo viên.	17,0	37,0	38,0	6,0	2,0	3,61	0,91
OB2	Viết ra những điểm mạnh của mình.	19,0	50,0	25,0	4,0	2,0	3,80	0,87
OB3	Viết ra điểm yếu và khắc phục.	27,0	50,0	18,0	3,0	2,0	3,97	0,67
OB4	Tự thực hành nói với người nước ngoài.	20,0	44,0	31,0	3,0	2,0	3,77	0,77
OB5	Tự sửa lỗi ngữ pháp khi nói.	21,0	50,0	25,0	2,0	2,0	3,86	0,84
OB6	Tìm và học từ vựng.	28,0	56,0	12,0	3,0	1,0	4,07	0,78
OB7	Tìm và học phát âm.	31,0	54,0	11,0	3,0	1,0	4,11	0,69

Tóm lại, những người tham gia thể hiện rất nhiều hành vi bên ngoài, nhưng có thể thấy rằng họ hiếm khi làm những công việc mà giáo viên không yêu cầu. Ngoài ra, họ có xu hướng làm việc với cách phát âm của họ hơn là làm những người khác.

### 3.7. Thảo luận

Theo kết quả, phần lớn người tham gia đều có suy nghĩ hoàn toàn tích cực và nhận thức rõ ràng về vai trò của quyền tự chủ trong việc nói của người học. Các phản hồi liên quan đến nhận thức về tầm quan trọng của quyền tự chủ của người học được đánh giá là cao và điều này có liên quan với nghiên cứu trước đây của Dương Minh Tuấn, 2021 [15]. So với kết quả nghiên cứu của Trương Minh Hòa và cộng sự, 2019 [7], có thể thấy sinh viên EFL cho rằng tính tự chủ của người học là quan trọng trong việc học ngôn ngữ của mình. Tuy nhiên, sinh viên EFL coi vai trò của sự tự chủ trong việc nói của người học

quan trọng hơn vai trò của sự tự chủ của người học trong việc học ngôn ngữ. Với những con số thể hiện trong kết quả, có thể kết luận rằng một số lượng lớn người tham gia có nhận thức rất cao về thuật ngữ “quyền tự chủ của người học”, ở một mức độ nhất định, điều này khác với kết quả nghiên cứu của Patcharee Scheb-Buener [14] tiến hành năm 2019 cho thấy thói quen học tập thụ động và quan niệm sai lầm khiến người học ý lại vào giáo viên. Về trách nhiệm tự chủ, những người tham gia cũng tiết lộ rằng với ý thức tự chủ cao của người học, họ có thể tiến bộ trong học tập, đó là một dấu hiệu của sự thành công, ý tưởng này một phần giống với kết luận nghiên cứu của Qiwei Wei et al. (2018) [16] với quan điểm rằng thành công có thể đạt được nhờ sự tự chủ trong học tập của người học. Về khả năng tự chủ, sinh viên EFL cung cấp một số thông tin cho thấy khả năng hạn chế của mình

khi lựa chọn tài liệu và hoạt động nói. Kết quả của các loại này phù hợp với kết quả nghiên cứu của Hoa và cộng sự, 2019 [7].

#### 4. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

Kết quả nghiên cứu nhận thức của sinh viên năm thứ nhất chuyên Anh về sự tự chủ của người học trong các lớp nói cho thấy người học

EFL nhìn chung có ý thức nhận thức cao khi học nói tự chủ. Các nghiên cứu cần được tiếp tục thực hiện liên quan đến tính tự chủ của người học như các đặc điểm về từ vựng, ngữ pháp, phát âm hoặc các kỹ năng học tiếng Anh như viết, nghe và đọc.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Alonazi, S.M. (2017). The Role of teachers in promoting learner autonomy in secondary schools in Saudi Arabia. *English Language Teaching*, 10(7), 183-202. <https://doi.org/10.5539/elt.v10n7p183>.
- [2] Brown, H.D. (2004). *Language Assessment: Principles and Classroom Practices*. New York Pearson Education Inc.
- [3] Camilleri Grima, A. (2007). Pedagogy for autonomy, teachers' attitudes and institutional change: A case study. In M. Jimenez Raya & L. Sercu (Eds.). *Challenges in teacher development: Learner autonomy and intercultural competence*. (pp. 81-102).
- [4] Chaney, A.L. and Burk, T.L. (1998). *Teaching Oral Communication in Grades K-8*. Boston: Allyn & Bacon
- [5] Cotterall, S. (1995). Developing a course strategy for learner autonomy. *ELT Journal*, 49(3), 219-227.
- [6] Gathercole, I. (1990). *Autonomy in Language Learning*. CILT Publications.
- [7] Hoa, T. M., Thuy, N. T. T., & Tran, L. T. H. (2019). The English-Majored Sophomores' Self-Perception of Autonomous Language Learning. *English Language Teaching*, 12(12), 119-131.
- [8] Holec, H. (1981). *Autonomy and foreign language learning*. Oxford: Pergamon Press.
- [9] Holec, H. (1981). *Autonomy and foreign language learning*. Pergamon.
- [10] Little, D. (1991). *Learner Autonomy 1: Definitions, issues, and problems*. Authentik.
- [11] *Oxford Dictionary of Current English*. (2009). Oxford: Oxford University Press.
- [12] Palfreyman, D. (2003). *Introduction: Culture and learner autonomy*. In D.
- [13] Plangkham, B., & Porkaew, K. (2012). Anxiety in English public speaking classes. *LEARN Journal: Language Education and Acquisition Research Network*, 5, 110-119.
- [14] Scheb-Buenner, P. (2019). University students' perception on autonomous learning: A case of a private university, Thailand. In *The 1<sup>st</sup> International Conference on English Studies: Innovation in English Language Teaching and Learning* (pp. 321-332).
- [15] Tuan, D. M. (2021). Learner autonomy in English language learning: Vietnamese EFL students' perceptions and practices. *Indones. J. Appl. Linguist*, 11(2), 307-317.
- [16] Wei, Q., Siriyothin, P., & Lian, A. P. (2018). Chinese university EFL students' perceptions of learner autonomy in language learning. *Beyond Words*, 6(1), 26-40.